VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 840
ĐẾN Ngày: 18-3-16
Chuyển: pháp chế

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 3394 /BTC-NSNN

V/v góp ý Dự thảo Nghị định ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương

HỎA-TỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Kính gửi:
- Bộ Tư pháp
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Căn cứ khoản 14 Điều 25 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015, Bộ Tài chính đã xây dựng Dự thảo Nghị định ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương thay thế Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật (đính kèm).

Đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia ý kiến và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 30/3/2016 để tổng hợp trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ NSNN.70

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /TTr - BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

TỜ TRÌNH
Về dự thảo Nghị định của Chính phủ ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 15/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành các Luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII, Bộ Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, trình Chính phủ trong tháng 4 năm 2016; Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập và tổ chức nghiên cứu, soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Tài chính trình Chính phủ Dự thảo Nghị định của Chính phủ ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2002, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương (sau đây gọi là Nghị định số 73/2003/NĐ-CP). Nghị định số 73/2003/NĐ-CP là căn cứ pháp lý để các cơ quan nhà nước địa phương áp dụng trong công tác quản lý ngân sách địa phương góp phần xây dựng nền tài chính quốc gia vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Sau hơn 10 năm tổ chức thực hiện Nghị định số 73/2003/NĐ-CP, công tác lập, phân bổ dự toán và quyết toán ngân sách địa phương đã đạt được kết quả quan trọng. Tạo khuôn khổ pháp lý quản lý ngân sách địa phương thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Dự toán, quyết toán ngân sách được xây dựng từ cơ sở, các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra trước khi trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định. Nâng cao vai trò, thẩm quyền Hội đồng nhân dân các cấp

trong việc quyết định dự toán, phân bổ và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, đảm bảo quản lý ngân sách địa phương chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, công khai minh bạch, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng, đảm bảo quốc phòng, an ninh, thực hiện cải cách hành chính trong tất cả các khâu của quy trình quản lý ngân sách địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quyết định dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương cũng còn bộc lộ một số hạn chế. Cụ thể:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu cho chính quyền các cấp huyện, xã trong phạm vi được phân cấp, nhưng một số nội dung phân cấp cụ thể lại được quy định trong Luật Ngân sách nhà nước năm 2002, như: Phân cấp tối thiểu 70% cho ngân sách cấp xã các khoản thu: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất; phân cấp tối thiểu 50% khoản thu lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất) cho ngân sách thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã hạn chế thẩm quyền của Hội đồng nhân dân.

- Một số địa phương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, nên mô hình tổ chức bộ máy bị xáo trộn, không có tính liên tục, chưa thể hiện hết vai trò của cơ quan có thẩm quyền của chính quyền địa phương.

- Căn cứ xây dựng dự toán ngân sách hàng năm chưa đầy đủ, chưa gắn kết chặt chẽ giữa dự toán ngân sách hàng năm với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm làm hạn chế tính dự báo, lựa chọn nhiệm vụ ưu tiên và hiệu quả phân bổ ngân sách địa phương.

- Cơ cấu địa bàn thu, nguồn thu chưa đồng đều: Nguồn thu ngân sách địa phương tập trung chủ yếu ở một số tỉnh, thành phố lớn; khoảng 80% số địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên; số thu về nhà - đất chiếm tỷ trọng lớn; thuế trực thu tăng chậm do hiệu quả sản xuất kinh doanh, sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng còn thấp, ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách địa phương.

- Quy định mức dư nợ huy động của các địa phương so với dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản mặc dù đã có phân nhóm và kiểm soát quy mô không quá 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước hàng năm của ngân sách cấp tỉnh, riêng thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh không vượt quá 100% (Đối với thành phố Hồ Chí Minh nâng mức lên 150% từ năm 2014; thành phố Hà Nội nâng mức lên 150% từ năm 2015) nhưng chưa thực sự gắn với khả năng trả nợ của ngân sách địa phương, nên chưa khuyến khích các địa phương phấn đấu tự chủ về ngân sách, nhất là các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương.

- Thực tế cho thấy, quy định phân cấp nhiệm vụ chi khoa học và công nghệ cho cả cấp huyện, xã là chưa phù hợp với năng lực của đội ngũ cán bộ ở các cấp này.

- Việc quyết toán ngân sách của ngân sách cấp trên phụ thuộc vào ngân sách cấp dưới. Trách nhiệm giải trình chủ yếu tập trung ở các cơ quan tổng hợp.

- Nghị định số 73/2003/NĐ-CP không ban hành hệ thống biểu mẫu, dẫn đến các địa phương lập báo cáo xây dựng dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương phải căn cứ vào biểu mẫu quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước. Do đó, biểu mẫu xây dựng dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân không đồng nhất với biểu mẫu báo cáo cơ quan tài chính cấp trên làm ảnh hưởng đến công tác lập báo cáo của cơ quan chuyên môn.

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 2013 tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 (sau đây gọi là Luật Ngân sách nhà nước năm 2015) thay thế Luật Ngân sách nhà nước năm 2002, trong đó tại khoản 14 Điều 25 quy định: Chính phủ ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Để khắc phục những tồn tại và đáp ứng các yêu cầu mới đặt ra trong quá trình tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, cải cách hành chính, thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 cần thiết phải ban hành Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 73/2003/NĐ-CP.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH

1. Quan điểm

- Thể chế hóa Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thống nhất với các Luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn.

- Kế thừa và phát huy những mặt tích cực, phù hợp với thực tiễn hiện nay của Nghị định số 73/2003/NĐ-CP, đổi mới phương thức quản lý ngân sách địa phương phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, phát huy tính chủ động của ngân sách các cấp chính quyền địa phương.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tính minh bạch, dân chủ và công khai trong công tác quản lý ngân sách địa phương.

2. Mục tiêu

- Tạo cơ sở pháp lý để các địa phương tổ chức thực hiện quản lý ngân sách địa phương, khắc phục những tồn tại của Nghị định số 73/2003/NĐ-CP, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngân sách địa phương, tạo động lực phát triển các nguồn lực, phân bổ ngân sách tập trung, hợp lý, đảm bảo công bằng, thực hiện xóa đói, giảm nghèo phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp.

- Tăng cường quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp về quản lý ngân sách địa phương.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý cơ chế quản lý kinh tế.

III. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện các nội dung sau:

- Thành lập Ban soạn thảo Nghị định và Tổ biên tập giúp việc cho Ban soạn thảo với thành viên là các Bộ và một số địa phương.

- Tổng kết và đánh giá thực trạng, tình hình thực hiện Nghị định số 73/2003/NĐ-CP, qua đó làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, bất cập để làm luận cứ cho việc xây dựng Nghị định.

- Dự thảo Nghị định, lấy ý kiến các Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đăng trên trang điện tử (Website) của Bộ Tài chính theo quy định, tiếp thu, hoàn chỉnh Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu, hoàn chỉnh Nghị định trình Chính phủ xem xét, ban hành theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định bao gồm 4 Chương với 12 Điều, cụ thể như sau:

a) Chương I: Quy định chung, gồm 3 Điều (Từ Điều 1 đến Điều 3).

b) Chương II: Lập dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương, gồm 3 Điều (Từ Điều 4 đến Điều 6).

c) Chương III: Thẩm tra dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương, gồm 3 Điều (Từ Điều 7 đến Điều 9).

d) Chương IV: Thảo luận, quyết định dự toán, phương án phân bổ và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, gồm 3 Điều (Từ Điều 10 đến Điều 12).

2. Nội dung cơ bản của Nghị định

a) Chương I: Quy định chung, gồm 3 Điều (Từ Điều 1 đến Điều 3)

Chương này quy định: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc thẩm tra, xem xét, quyết định dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách địa phương.

Nội dung của Chương này so với Nghị định số 73/2003/NĐ-CP hướng dẫn rõ thêm về phạm vi áp dụng, quy định nguyên tắc lập, thẩm tra, xem xét, quyết định dự toán, phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán phải tuân thủ các quy định về nội dung, thời gian, thẩm quyền của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

b) Chương II: Lập dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương, gồm 3 Điều (Từ Điều 4 đến Điều 6).

Chương này quy định: Lập dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương; Ủy ban nhân dân lập báo cáo dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương; báo cáo các Ban của Hội đồng nhân dân: Ban kinh tế - ngân sách (cấp tỉnh), Ban kinh tế - xã hội (cấp huyện và cấp xã) để thẩm tra.

Nội dung của Chương này cơ bản kế thừa Nghị định số 73/2003/NĐ-CP và bổ sung thêm một số nội dung cho phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 về lập kế hoạch tài chính 5 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; bội chi ngân sách địa phương, phương án vay bù đắp bội chi và trả nợ gốc ngân sách địa phương. Báo cáo nợ đến hạn phải trả, số nợ quá hạn phải trả, số lãi phải trả trong năm, số vay, khả năng trả nợ trong năm và số nợ đến cuối năm. Các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương

c) Chương III: Thẩm tra dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương, gồm 3 Điều (Từ Điều 7 đến Điều 9).

Chương này quy định: Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân thẩm tra các báo cáo về ngân sách; phương thức thẩm tra các báo cáo; Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân.

Nội dung của Chương này cơ bản kế thừa Nghị định số 73/2003/NĐ-CP và bổ sung thêm nhiệm vụ của Ban kinh tế - ngân sách trong việc thẩm tra các nội dung lập kế hoạch tài chính 5 năm đối với ngân sách cấp tỉnh trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, xem xét kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm đối với ngân sách cấp tỉnh; thẩm tra bội chi ngân sách địa phương, phương án vay bù đắp bội chi và

trả nợ gốc ngân sách địa phương về sự cần thiết phải vay, mức vay, phương thức, thời gian vay, lãi suất, phương án sử dụng tiền vay và khả năng trả nợ hàng năm. Các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Trung ương ban hành.

đ) Chương IV: Thảo luận, quyết định dự toán, phương án phân bổ và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, gồm 3 Điều (Từ Điều 10 đến Điều 12).

Chương này quy định: Hội đồng nhân dân thảo luận, quyết định dự toán, phương án phân bổ ngân sách cấp mình và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; thời gian quyết định dự toán ngân sách, phân bổ ngân sách cấp mình và quyết toán ngân sách địa phương; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Nội dung của Chương này so với Nghị định số 73/2003/NĐ-CP bổ sung thêm nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc thảo luận, quyết định kế hoạch tài chính 5 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; bội chi ngân sách địa phương, giới hạn mức vay của ngân sách địa phương. Các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Trung ương ban hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

(Nội dung này Bộ Tài chính sẽ bổ sung sau khi tiếp thu ý kiến tham gia, góp ý Dự thảo Nghị định của các Bộ, địa phương bằng văn bản)

VI. TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Nội dung này Bộ Tài chính sẽ bổ sung sau khi Bộ Tư pháp có văn bản thẩm định)

VII. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

(Nội dung này Bộ Tài chính sẽ bổ sung sau)

Trên đây là nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định của Chính phủ về quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Nghị định này thay thế Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, Vụ NSNN.

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2016/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

NGHỊ ĐỊNH
Ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định về Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017.

Việc xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương của năm ngân sách 2015 và 2016 được áp dụng theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 và quy định tại Nghị định số 73/2003/NĐ - CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về ban hành

quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Tài chính và Ngân sách của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Việc lập, thẩm tra, thảo luận, quyết định dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

2. Nội dung, trình tự, phương thức thảo luận, quyết định dự toán, phân bổ và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập, báo cáo dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình và quyết toán ngân sách địa phương.

2. Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, xã, phường, thị trấn thẩm tra các báo cáo của Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, cho ý kiến về các báo cáo ngân sách của Ủy ban nhân dân cùng cấp và báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội.

4. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc lập, thẩm tra, xem xét, quyết định dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách địa phương

Việc lập, thẩm tra, xem xét, quyết định dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân phải tuân thủ các quy định về nội dung, quy

trình, phương thức, hình thức, thời gian, thẩm quyền của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Quy chế này.

Chương II
LẬP DỰ TOÁN, PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Lập dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (đối với cấp huyện và cấp xã lập dự toán thu ngân sách nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý), dự toán chi ngân sách địa phương (đối với cấp tỉnh và cấp huyện gồm ngân sách cấp mình và ngân sách các cấp dưới); phương án phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, phê chuẩn.

2. Căn cứ xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới;

b) Chính sách, chế độ thu ngân sách nhà nước, định mức phân bổ ngân sách và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách;

c) Kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm (đối với cấp tỉnh), kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.

d) Tình hình thực hiện ngân sách địa phương năm trước;

đ) Nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách được phân cấp; dự toán ngân sách được tổng hợp từ báo cáo dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình, các địa phương cấp dưới trực tiếp;

e) Các căn cứ khác theo quy định tại Điều 41 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

3. Yêu cầu lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phải căn cứ vào luật thuế, phí, lệ phí, chế độ thu ngân sách và tổng hợp theo từng khoản thu.

b) Dự toán chi ngân sách địa phương tổng hợp theo lĩnh vực chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ và viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong đó:

Dự toán chi đầu tư phát triển được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán;

Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

Dự toán chi lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ bảo đảm không thấp hơn dự toán cấp trên giao.

Dự toán chi trả nợ lãi vay được lập trên cơ sở bảo đảm trả các khoản lãi vay đến hạn của năm dự toán ngân sách; vay bù đắp bội chi ngân sách địa phương phải căn cứ vào cân đối ngân sách địa phương, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và trong giới hạn an toàn về nợ công theo nghị quyết của Quốc hội.

c) Dự toán ngân sách các cấp được lập theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Căn cứ xây dựng phương án phân bổ ngân sách địa phương:

a) Dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân quyết định;

b) Nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và địa phương cấp dưới trực tiếp;

c) Định mức phân bổ ngân sách và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên. Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, phải căn cứ vào phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp trên với ngân sách cấp dưới và dự toán thu, chi ngân sách của từng địa phương cấp dưới trực tiếp.

5. Yêu cầu lập phương án phân bổ ngân sách địa phương:

a) Đúng với dự toán ngân sách Hội đồng nhân dân thông qua cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi được giao;

b) Đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi;

c) Phân bổ đủ vốn, kinh phí để thu hồi các khoản đã ứng trước dự toán đến hạn thu hồi trong năm, vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn ưu đãi khác của các nhà tài trợ nước ngoài theo cam kết;

d) Đối với phân bổ vốn đầu tư phát triển phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Đối với phân bổ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện đúng các cam kết hoặc quy định về bố trí ngân sách địa phương cho mục tiêu đó.

6. Lập báo cáo quyết toán ngân sách địa phương phải tuân thủ quy định tại các Điều 64, 65 và 68 của Luật Ngân sách nhà nước; căn cứ vào báo cáo quyết toán ngân sách cấp dưới đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình đã được cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương và các khoản chi chuyển nguồn của ngân sách địa phương sang năm sau theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

7. Cơ quan thuế, hải quan các cấp ở địa phương xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn gửi cơ quan thu cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, lập dự toán, quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

8. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, chủ đầu tư lập dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở địa phương phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách theo ngành, lĩnh vực được giao phụ trách.

9. Cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan thuế, hải quan và các cơ quan có liên quan tổng hợp, lập, trình Ủy ban nhân dân dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; đồng thời gửi các báo cáo trên đến Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân.

10. Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan thuế, hải quan và các cơ quan có liên quan khác của Ủy ban nhân dân trong quá trình lập dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương.

11. Ủy ban nhân dân xem xét, thảo luận dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương có sự tham dự của Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân.

Điều 5. Báo cáo dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương

1. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách địa phương năm trước, gồm:

a) Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách;

b) Tình hình thực hiện các giải pháp tài chính - ngân sách theo Nghị quyết Quốc hội, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cấp trên, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên;

c) Những giải pháp bổ sung để tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm trước.

2. Báo cáo dự toán ngân sách địa phương năm sau, gồm:

a) Các căn cứ xây dựng dự toán ngân sách địa phương;

b) Mục tiêu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương;

c) Kế hoạch tài chính - ngân sách địa phương 3 năm (đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương);

d) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, bao gồm thu nội địa, thu dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, thu viện trợ không hoàn lại, bảo đảm không thấp hơn dự toán thu ngân sách nhà nước được cấp trên giao;

đ) Dự toán thu ngân sách địa phương, bao gồm các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%, phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) và thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (bao gồm số bổ sung cân đối và số bổ sung có mục tiêu). Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách địa phương, phải kèm theo căn cứ xác định số bổ sung cân đối;

e) Dự toán chi ngân sách địa phương, bao gồm chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chi chương trình mục tiêu. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể theo từng lĩnh vực. Trong chi đầu tư phát triển báo cáo rõ việc xử lý nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước.

g) Các tài liệu thuyết minh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương;

h) Các chủ trương, giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm sau.

3. Báo cáo phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm sau, gồm:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương;

b) Chi ngân sách địa phương; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực; chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương; dự phòng ngân sách;

c) Dự toán chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình theo từng lĩnh vực;

d) Nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung cho ngân sách từng địa phương cấp dưới trực tiếp;

đ) Bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư phát triển thực hiện các chương trình, dự án quan trọng;

e) Bổ sung có mục tiêu thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định;

g) Chi chương trình mục tiêu quốc gia;

h) Danh mục, tổng mức vốn đầu tư, tiến độ thực hiện và kế hoạch vốn đầu tư đối với các dự án, các công trình quan trọng thuộc nguồn ngân sách địa phương; trong đó, nêu chi tiết các dự án, các công trình xây dựng cơ bản theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

i) Báo cáo tình hình thực hiện, dự kiến kế hoạch tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý;

k) Các tài liệu thuyết minh phương án phân bổ ngân sách địa phương.

4. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh còn phải trình Hội đồng nhân dân cùng cấp:

a) Đối với năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách địa phương:

- Kế hoạch tài chính 5 năm gồm các nội dung: Mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể của kế hoạch tài chính 5 năm; dự báo thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương, bội chi ngân sách địa phương và giới hạn mức vay của ngân sách địa phương; giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch;

- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và ngân sách từng xã, phường, thị trấn; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh với ngân sách từng xã, phường, thị trấn;

- Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương;

- Danh mục chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn ngân sách nhà nước.

b) Phương án thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật;

c) Các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo khung của Chính phủ và chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương;

d) Bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh, phương án vay bù đắp bội chi (Vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay vốn của tổ chức tín dụng nhà nước và các tổ chức tín dụng khác, các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật. Vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho ngân sách địa phương vay lại). Báo cáo trả nợ gốc ngân sách địa phương; mức dư nợ vay, nợ đến hạn phải trả, số nợ quá hạn phải trả, số lãi phải trả trong năm, số vay, khả năng trả nợ trong năm và số nợ đến cuối năm.

5. Báo cáo quyết toán và kiểm toán ngân sách địa phương, gồm:

a) Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương;

b) Quyết toán các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình mục tiêu:

c) Thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương;

d) Báo cáo tình hình thực hiện các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

e) Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương (nếu có).

Điều 6. Báo cáo các Ban của Hội đồng nhân dân

Các báo cáo quy định tại Điều 5 của Quy chế này phải gửi Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân để thẩm tra.

Chương III
THẨM TRA DỰ TOÁN, PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân xem xét, thẩm tra các báo cáo về ngân sách

1. Thẩm tra về đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm trước và việc thực hiện các giải pháp tài chính - ngân sách theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

2. Xem xét kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm (đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

3. Thẩm tra dự toán ngân sách về mục tiêu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương; các căn cứ xây dựng dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương.

4. Thẩm tra phương án phân bổ ngân sách cấp mình về nguyên tắc phân bổ, tính công bằng, hợp lý và tích cực của phương án phân bổ.

5. Thẩm tra phương án thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật.

6. Thẩm tra các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo khung của Chính phủ và chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Trung ương ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

7. Thẩm tra bội chi ngân sách địa phương, phương án vay bù đắp bội chi, trả nợ gốc và khả năng cân đối nguồn trả nợ của ngân sách địa phương về các nội dung: sự cần thiết phải vay, mức vay, phương thức và thời gian vay, lãi suất, phương án sử dụng tiền vay và mức trả nợ hàng năm.

8. Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách còn phải thẩm tra các nội dung về kế hoạch tài chính 5 năm (đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương); phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách; danh mục chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.

9. Thẩm tra quyết toán ngân sách địa phương về tính chính xác, tính hợp pháp, đầy đủ của quyết toán ngân sách địa phương.

Điều 8. Phương thức thẩm tra các báo cáo

1. Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân tổ chức thẩm tra các báo cáo, có sự tham dự của Ủy ban nhân dân và các cơ quan liên quan.

Các Ban có liên quan của Hội đồng nhân dân có ý kiến chính thức về lĩnh vực phụ trách; nêu rõ những nội dung nhất trí, những nội dung nhất trí nhưng đề nghị báo cáo rõ thêm, những nội dung chưa nhất trí và những kiến nghị.

2. Các cơ quan có liên quan của Ủy ban nhân dân có trách nhiệm báo cáo bổ sung những vấn đề tiếp thu, những vấn đề thuyết minh, giải trình làm rõ thêm để đi đến thống nhất, những vấn đề cần nghiên cứu, giải trình sau bằng văn bản. Báo cáo tiếp thu hoặc giải trình bằng văn bản phải gửi đến Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội.

3. Ủy ban nhân dân nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm tra của các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, hoàn chỉnh các báo cáo để trình Thường trực Hội đồng nhân dân. Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội tổng hợp các ý kiến của các Ban khác có liên quan lập báo cáo thẩm tra để trình Thường trực Hội đồng nhân dân. Báo cáo thẩm tra gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Những nội dung và số liệu thống nhất với báo cáo của Ủy ban nhân dân.

b) Những nội dung và số liệu đề nghị báo cáo rõ thêm hoặc còn có ý kiến khác với báo cáo của Ủy ban nhân dân.

c) Ý kiến nhận xét về báo cáo của Ủy ban nhân dân.

d) Những kiến nghị.

Trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội và Ủy ban nhân dân trao đổi, làm rõ những nội dung còn khác nhau trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân.

Điều 9. Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến về các báo cáo của Ủy ban nhân dân theo quy định tại Điều 5 và ý kiến thẩm tra của các Ban quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

Đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến để Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội và Ủy ban nhân dân hoàn chỉnh các báo cáo trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

2. Căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, nếu thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân có thể tổ chức họp với Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội và các Ban có liên quan khác để thẩm tra, cho ý kiến về các báo cáo.

3. Các báo cáo của Ủy ban nhân dân và báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân theo Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Chương IV
THẢO LUẬN, QUYẾT ĐỊNH DỰ TOÁN, PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ PHÊ CHUẨN QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 10. Hội đồng nhân dân thảo luận, quyết định dự toán, phương án phân bổ ngân sách địa phương và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương

1. Phương thức thảo luận:

a) Ủy ban nhân dân trình bày các báo cáo trước Hội đồng nhân dân.

b) Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội báo cáo kết quả thẩm tra các báo cáo của Ủy ban nhân dân.

c) Hội đồng nhân dân tổ chức thảo luận về các báo cáo của Ủy ban nhân dân; thư ký kỳ họp tổng hợp ý kiến của các đại biểu và gửi đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội đồng gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

d) Ủy ban nhân dân báo cáo tiếp thu và giải trình về các ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Căn cứ báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách, Ban kinh tế - xã hội và báo cáo giải trình của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thảo luận và quyết định:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương theo các chỉ tiêu quy định tại Điều 30 của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Căn cứ dự toán chi ngân sách địa phương đã được quyết định, thảo luận quyết định phương án phân bổ ngân sách địa phương theo các chỉ tiêu quy định tại Điều 30 của Luật Ngân sách nhà nước.

Trong quá trình thảo luận, quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương; nếu Hội đồng nhân dân quyết định tăng các khoản chi hoặc bổ sung khoản chi mới, thì phải đồng thời xem xét, quyết định các giải pháp để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

c) Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài các nội dung trên, còn thảo luận, quyết định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy chế này.

d) Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm trước.

Điều 11. Thời gian quyết định dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình năm sau trước ngày 10 tháng 12 năm hiện hành; Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm sau chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương chậm nhất 12 tháng sau khi năm ngân sách kết thúc và quy định thời hạn phê

chuẩn quyết toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp dưới, nhưng chậm nhất không quá 06 tháng sau khi năm ngân sách kết thúc.

3. Căn cứ vào thời gian quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể thời gian gửi báo cáo dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp đến Hội đồng nhân dân cùng cấp. Đồng thời quy định thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách địa phương cấp dưới phù hợp với tình hình của địa phương và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 12. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân

Hội đồng nhân dân các cấp ban hành các Nghị quyết sau:

1. Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương.

2. Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO DỰ TOÁN, PHÂN BỔ VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ)

	I- Kế hoạch tài chính ngân sách
Phụ lục số 01	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm
Phụ lục số 02	Kế hoạch ngân sách 5 năm
Phụ lục số 03	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 3 năm
Phụ lục số 04	Kế hoạch ngân sách 3 năm
Phụ lục số 05	Kế hoạch đầu tư công trung hạn
	II- Báo cáo dự toán ngân sách địa phương
Phụ lục số 06	Đánh giá cân đối ngân sách địa phương
Phụ lục số 07	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước
Phụ lục số 08	Đánh giá thực hiện chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực
Phụ lục số 09	Dự toán cân đối ngân sách địa phương
Phụ lục số 10	Dự toán thu ngân sách nhà nước
Phụ lục số 11	Dự toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực
Phụ lục số 12	Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
	III- Báo cáo phân bổ ngân sách địa phương
Phụ lục số 13	Đánh giá cân đối thu, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã)
Phụ lục số 14	Đánh giá tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã)

Phụ lục số 15	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo lĩnh vực từng huyện (xã)
Phụ lục số 16	Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu
Phụ lục số 17	Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức
Phụ lục số 18	Đánh giá thực hiện chi cân đối ngân sách từng huyện (xã)
Phụ lục số 19	Dự toán cân đối thu, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã)
Phụ lục số 20	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo từng huyện (xã)
Phụ lục số 21	Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu
Phụ lục số 22	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức
Phụ lục số 23	Dự toán thu, chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.
Phụ lục số 24	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương
Phụ lục số 25	Dự toán chi cân đối ngân sách từng huyện (xã)
Phụ lục số 26	Dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã)
Phụ lục số 27	Dự toán chi chương trình mục tiêu Quốc gia

Phụ lục số 28	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) để thực hiện các chương trình mục tiêu
Phụ lục số 29	Dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách huyện (xã) để thực hiện các chính sách theo quy định
Phụ lục số 30	Dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản các dự án, công trình
	IV- Quyết toán ngân sách địa phương
Phụ lục số 31	Quyết toán ngân sách địa phương
Phụ lục số 32	Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn
Phụ lục số 33	Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và chi ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu
Phụ lục số 34	Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực
Phụ lục số 35	Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức
Phụ lục số 36	Quyết toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách huyện (xã)
Phụ lục số 37	Quyết toán chi chương trình mục tiêu Quốc gia
Phụ lục số 38	Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản các dự án, công trình

Phụ lục số 01

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Dùng cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Thực hiện giai đoạn trước				Kế hoạch giai đoạn....					
		Tổng giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	...	Tổng giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ha	Năm thứ tư	Năm thứ năm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	s	9	10
1	Tổng sản phẩm trong nước (GRDP)										
2	Tăng trưởng GRDP (%)										
3	Cơ cấu kinh tế (%)										
-	*Nông, lâm, ngư nghiệp*										
-	*Công nghiệp, xây dựng*										
-	*Dịch vụ*										
4	Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)										
5	Kim ngạch nhập khẩu (Triệu USD)										
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn										
-	Vốn ngân sách nhà nước										
-	Vốn tín dụng										
-	Vốn doanh nghiệp và dân cư										
-	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài										
7	Giải quyết việc làm mới (1.000 lao động)										
8	Tỷ lệ hộ nghèo (%)										
9	Tỷ lệ giảm hộ nghèo (%/năm)										
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)										
11	Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (%)										
12	Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (lũy kế)										
13	.....										

Phụ lục số

KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH 5 NĂM CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Dùng cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồn

STT	Nội dung	Thực hiện giai đoạn trước				Kế hoạch giai đoạn....					
		Tổng giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	...	Tổng giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN**										
1	Thu nội địa										
2	Thu từ dầu thô (nếu có)										
3	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu										
II	**THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**										
1	Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp										
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên										
3	Thu kết dư										
4	Thu chuyển nguồn										
III	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**										
1	Chi đầu tư phát triển										
2	Chi thường xuyên										
3	Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương										
4	Chi trả nợ lãi vay										
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính										
6	Dự phòng ngân sách										
7	Chi chuyển nguồn sang năm sau										
IV	**CHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**										
1	Chương trình mục tiêu quốc gia										
2	Chương trình mục tiêu										
V	**CHÊNH LỆCH THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**										
1	Bội thu ngân sách địa phương (nếu có)										
2	Bội chi ngân sách địa phương (nếu có)										
VI	**TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**										
1	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSĐP										
2	Mức dư nợ đầu kỳ										
	So với mức dư nợ vay tối đa (%)										
3	Tổng mức vay trong kỳ										
-	Vay trong nước										
-	Vay ngoài nước										
4	Trả nợ gốc vay, trong đó:										
-	Từ nguồn vay										
-	Bội thu ngân sách địa phương										
-	Tăng thu, tiết kiệm chi										
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh										

Phụ lục số 03

KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ 3 NĂM CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Dùng cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Thực hiện năm háo cáo	Năm kế hoạch	Năm thứ hai	Năm thứ ba
A	B	1	2	3	4
1	Tổng sản phẩm trong nước (GRDP)				
2	Tăng trưởng GRDP (%)				
3	Cơ cấu kinh tế (%)				
-	*Nông, lâm, ngư nghiệp*				
-	*Công nghiệp, xây dựng*				
-	*Dịch vụ*				
4	Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)				
5	Kim ngạch nhập khẩu (Triệu USD)				
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn				
-	Vốn ngân sách nhà nước				
-	Vốn tín dụng				
-	Vốn doanh nghiệp và dân cư				
-	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài				
7	Giải quyết việc làm mới (1.000 lao động)				
8	Tỷ lệ hộ nghèo (%)				
9	Tỷ lệ giảm hộ nghèo (%/năm)				
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)				
11	Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (%)				
12	Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (lũy kế)				
13	.....				

Phụ lục số 0

KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH 3 NĂM CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Dùng cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm báo cáo	Năm kế hoạch	Năm thứ hai	Năm thứ ba
A	B	1	2	3	4
I	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN**				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô (nếu có)				
3	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				
II	**THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
1	Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp				
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
3	Thu kết dư				
4	Thu chuyển nguồn				
III	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương				
4	Chi trả nợ lãi vay				
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
6	Dự phòng ngân sách				
7	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
IV	**CHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chương trình mục tiêu				
V	**CHÊNH LỆCH THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
1	Bội thu ngân sách địa phương (nếu có)				
2	Bội chi ngân sách địa phương (nếu có)				
VI	**TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
1	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSĐP				
2	Mức dư nợ đầu kỳ				
	So với mức dư nợ vay tối đa (%)				
3	Tổng mức vay trong kỳ				
-	Vay trong nước				
-	Vay ngoài nước				
4	Trả nợ gốc vay, trong đó:				
-	Từ nguồn vay				
-	Bội thu ngân sách địa phương				
-	Tăng thu, tiết kiệm chi				
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh				

Phụ lục số 05

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Tổng giai đoạn						Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm
						Tổng số	NSNN		Trái phiếu Chính phủ	Trái phiếu CQĐP	Nguồn vốn khác					
							NSTW	NSĐP								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ															
A	**Ngành, lĩnh vực**															
I	**Dự án nhóm A**															
1	Dự án A															
2	Dự án B															
3	……..															
II	**Dự án nhóm ….**															
	…….															
B	**Ngành, lĩnh vực**															
I	**Dự án nhóm A**															
1	Dự án A															
2	Dự án B															
3	……..															
II	**Dự án nhóm ….**															
	…….															

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM HIỆN HÀNH
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Thực hiện năm trước	Dự toán năm hiện hành	Ước thực hiện năm hiện hành	So sánh	
					ƯTH/ TH	ƯTH/ DT
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**					
I	**Thu cân đối ngân sách địa phương**					
1	Thu nội địa					
	Trong đó:					
-	*Thu tiền sử dụng đất*					
-	*Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết*					
2	Thu viện trợ không hoàn lại					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn					
5	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
II	**Thu hổ sung theo mục tiêu**					
1	Thu bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Thu bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu					
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**					
I	**Tổng chi cân đối ngân sách địa phương**					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Chi thực hiện điều chlnh tiền lương					
4	Chi trả nợ lãi vay					
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
6	Dự phòng ngân sách					
7	Chi chuyển nguồn					
II	**Chi chương trình mục tiêu**					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chương trình mục tiêu					
C	**Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương**					
1	Bội thu ngân sách địa phương					
2	Bội chi ngân sách địa phương					
D	**Tổng mức vay của ngân sách địa phương**					
I	**Theo nguồn vốn vay**					
1	Vay ngoài nước					
2	Vay trong nước					
II	**Theo mục tiêu sử dụng vốn vay**					
1	Bù đắp bội chi					
2	Trả nợ gốc vay					

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ lãi vay và bội chi NSĐP.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM HIỆN HÀNH

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm hiện hành		ƯTH năm hiện hành		ƯTH/DT	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	**Thu nội địa**						
1	Thu từ DNNN do Trung ương quản lý						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ DNNN do Địa phương quản lý						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, hộ gia đình						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Lệ phí trước bạ						
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
8	Thuế thu nhập cá nhân						
9	Thuế bảo vệ môi trường						
10	Thu phí, lệ phí						
-	*Phí và lệ phí trung ương*						
-	*Phí và lệ phí tỉnh, huyện*						
-	*Phí và lệ phí xã, phường*						
11	Thu tiền sử dụng đất						
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
15	Thu cổ tức						
16	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						
17	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
18	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
19	Thu khác ngân sách						
20	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã						
II	**Thu từ dầu thô**						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
IV	**Thu viện trợ không hoàn lại**						

Ghi chú:

- Doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn.

- Doanh nghiệp nhà nước do Địa phương quản lý là doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn.

- Doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, hộ gia đình là các đơn vị, cá nhân, tổ chức kinh tế mà Nhà nước sở hữu dưới 100% vốn.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu .

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM HIỆN HÀNH
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Ước thực hiện năm hiện hành	So sánh UTH/ DT
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ			
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			
I	**Chi đầu tư phát triển**			
	Chia theo lĩnh vực: - Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
1	Chi đầu tư XDCB			
a	*Vốn ngoài nước*			
b	*Vốn trong nước, trong đó:*			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
II	**Chi thường xuyên**			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Quốc phòng			
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội			
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình			
8	Sự nghiệp thể dục thể thao			
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường			
10	Các hoạt động kinh tế			
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính, tổ chức chính trị,...			
12	Chi đảm bảo xã hội			
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật			
III	**Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương**			
IV	**Chi trả nợ lãi vay**			
V	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
VI	**Dự phòng ngân sách**			
VII	**Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương**			
B	**CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**			
I	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia**			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	**Chi chương trình mục tiêu**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu)			

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Ước thực hiện	Dự toán năm kế hoạch	So sánh	
					DT/ DT	DT/ UTH
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**					
I	**Thu cân đối ngân sách địa phương**					
I	Thu nội địa					
	Trong đó:					
-	*Thu tiền sử dụng đất*					
-	*Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết*					
2	Thu viện trợ không hoàn lại					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn					
5	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
II	**Thu bổ sung theo mục tiêu**					
1	Thu bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Thu bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu					
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**					
I	**Tổng chi cân đối ngân sách địa phương**					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương					
4	Chi trả nợ lãi vay					
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
6	Dự phòng ngân sách					
7	Chi chuyển nguồn					
II	**Chi chương trình mục tiêu**					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chương trình mục tiêu					
C	**Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương**					
1	Bội thu ngân sách địa phương					
2	Bội chi ngân sách địa phương					
D	**Tổng mức vay của ngân sách địa phương**					
I	**Theo nguồn vốn vay**					
1	Vay ngoài nước					
2	Vay trong nước					
II	**Theo mục tiêu sử dụng vốn vay**					
1	Bù đắp bội chi					
2	Trả nợ gốc vay					

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ lãi vay và bội chi NSĐP.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	ự toán nă hiện hành	Ước thực hiện năm hiện hành		Dự toán năm kế hoạch		So sánh dự toán so với ƯTH	
		Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu T NSĐP	ổng thu NSNN	Thu T NSĐP	ổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	2	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC							
I	**Thu nội địa**							
1	Thu từ DNNN do Trung ương quản lý							
	(Chi tiết theo sắc thuế)							
2	Thu từ DNNN do Địa phương quản lý							
	(Chi tiết theo sắc thuế)							
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài							
	(Chi tiết theo sắc thuế)							
4	Thu từ khu vực doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, hộ gia đình							
	(Chi tiết theo sắc thuế)							
5	Lệ phí trước bạ							
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp							
8	Thuế thu nhập cá nhân							
9	Thuế bảo vệ môi trường							
10	Thu phí, lệ phí							
-	*Phí và lệ phí trung ương*							
-	*Phí và lệ phí tỉnh, huyện*							
-	*Phí và lệ phí xã, phường*							
11	Thu tiền sử dụng đất							
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước							
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							
15	Thu cổ tức							
16	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước							
17	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước							
18	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết							
	(Chi tiết theo sắc thuế)							
19	Thu khác ngân sách							
20	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã							
II	**Thu từ dầu thô**							
	(Chi tiết theo sắc thuế)							
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**							
1	Thuế xuất khẩu							
2	Thuế nhập khẩu							
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu							
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu							
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu							
IV	**Thu viện trợ không hoàn lại**							

Ghi chú:

- Doanh nghiệp nhà nước da Trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn.

- Doanh nghiệp nhà nước da Địa phương quản lý là doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn.

- Doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, hộ gia đình là các đơn vị, cá nhân, tổ chức kinh tế mà Nhà nước sở hữu dưới 100% vốn.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuôn sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của daanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu .

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Dự toán năm kế hoạch	So sánh
A	B	1	2	3=2/1
	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ			
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			
I	**Chi đầu tư phát triển**			
	Chia theo lĩnh vực: - Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
I	Chi đầu tư XDCB			
a	*Vốn ngoài nước*			
b	*Vốn trong nước, trong đó:*			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
II	**Chi thường xuyên**			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Quốc phòng			
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội			
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình			
8	Sự nghiệp thể dục thể thao			
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường			
10	Các hoạt động kinh tế			
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính, tổ chức chính trị,...			
12	Chi đảm bảo xã hội			
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật			
III	**Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương**			
IV	**Chi trả nợ lãi vay**			
V	**Chi hổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
VI	**Dự phòng ngân sách**			
VII	**Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương**			
B	**CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**			
I	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	**Chi chương trình mục tiêu**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu)			

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Dùng cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Ước thực hiện năm hiện hành	Dự toán năm kế hoạch	So sánh
A	B	1	2	3	4=3-2
A	**MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSĐP**				
B	**BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
C	**KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ**				
I	**Tổng dư nợ đầu năm**				
	So với mức dư nợ vay tối đa (%)				
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Ngân hàng Đầu tư phát triển				
3	Vốn ODA				
4	Vốn khác				
5	.....				
II	**Kế hoạch vay trong năm**				
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Ngân hàng Đầu tư phát triển				
3	Vốn ODA				
4	Vốn khác				
5	.....				
III	**Trả nợ gốc trong năm**				
1	**Theo nguồn vốn vay**				
-	Vay ngoài nước				
-	Vay trong nước				
+	Trái phiếu chính quyền địa phương				
+	Ngân hàng Đầu tư phát triển				
+	Vốn khác				
2	**Theo nguồn trả nợ**				
-	Từ nguồn vay				
-	Bội thu ngân sách địa phương				
-	Tăng thu, tiết kiệm chi				
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh				
IV	**Tổng dư nợ cuối năm**				
	So với mức dư nợ vay tối đa (%)				
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Ngân hàng Đầu tư phát triển				
3	Vốn ODA				
4	Vốn khác				
5	.....				

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) NĂM HIỆN HÀNH

(Dùng cho ngân sách cấp tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Thực hiện năm trước	Dự toán năm hiện hành	Ước thực hiện năm hiện hành	So sánh	
					ƯTH/ TH	ƯTH/ DT
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN)**					
I	**Thu ngân sách**					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
-	*Thu thuế, phí và các khoản thu khác*					
-	*Thu viện trợ*					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	*Bổ sung cân đối ngân sách*					
-	*Bổ sung theo mục tiêu*					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn					
II	**Chi ngân sách**					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh (huyện), không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	*Bổ sung cân đối ngân sách*					
-	*Bổ sung thea mục tiêu*					
3	Chi chuyển nguồn					
III	**Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương**					
1	Bội thu ngân sách địa phương					
2	Bội chi ngân sách địa phương					
B	**NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ)**					
I	**Thu ngân sách**					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
-	*Thu thuế, phí và các khoản thu khác*					
-	*Thu viện trợ*					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	*Bổ sung cân đối ngân sách*					
-	*Bổ sung theo mục tiêu*					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn					
II	**Chi ngân sách**					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện (xã), không kể bổ sung cho ngân sách xã					
2	Chi bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã					
-	*Bổ sung cân đối ngân sách*					
-	*Bổ sung theo mục tiêu*					
3	Chi chuyển nguồn					

Ghi chú: Ngân sách huyện không có bội chi NSĐP.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM HIỆN HÀNH
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Thực hiện năm trước				Dự toán năm hiện hành				ƯTH năm hiện hành				ƯTH so với thực hiện				ƯTH so với dự toán			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
			Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=9/1	14=10/2	15=11/3	16=12/4	17=9/5	18=10/6	19=11/7	20=12/8
	TỔNG SỐ																				
1	Huyện A																				
2	Quận B																				
3	Thành phố C																				
4	Thị xã D																				
5	……																				
6	Xã A																				
7	Phường B																				
8	Thị trấn C																				
9	……																				
10																					
11																					
12																					
13																					
14																					
15																					
16																					
17																					
18																					
19																					
20																					
21																					
22																					
23																					
24																					

Ghi chú: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, xã không có thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu .
Các chỉ tiêu cột 3, 4, 7, 8, 11, 12, 15, 16, 19, 20 chỉ ghi dòng Tổng số

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM HIỆN HÀNH

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I- Thu nội địa	Bao gồm (1)			II- Thu từ dầu thô	III- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu (2)	Bao gồm				
				1. Thu từ DNNN do TƯ quản lý	2. Thu từ DNNN do ĐP quản lý	.....	(2)		1. Thuế xuất khẩu	2. Thuế nhập khẩu	3. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng nhập khẩu	4. Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng nhập khẩu	5. Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng nhập khẩu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ												
1	Huyện A												
2	Quận B												
3	Thành phố C												
4	Thị xã D												
5	.....												
6	Xã A												
7	Phường B												
8	Thị trấn C												
9	.....												
10													
11													
12													
13													
14													
15													
16													
17													
18													
19													
20													
21													
22													
23													
24													
25													
26													
27													
28													
29													
30													

Ghi chú: (1) Chi tiết từng khu vực thu, khoản thu

(2) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, xã không có thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu.

Các chỉ tiêu cột 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 chỉ ghi dòng Tổng số

Phụ lục số 16

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) THEO CƠ CẤU NĂM HIỆN HÀNH

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Bao gồm		Ước thực hiện	Bao gồm		UTH so với DT		
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSĐP QUẢN LÝ									
I	**TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSĐP**									
I	**Chi đầu tư phát triển**									
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*									
2	*Chi khoa học và công nghệ*									
II	**Chi thường xuyên**									
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*									
2	*Chi khoa học và công nghệ*									
3	……									
III	**Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương**									
IV	**Chi trả nợ lãi vay**									
V	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**									
VI	**Dự phòng ngân sách**									
VII	**Chi chuyển nguồn**									
B	**CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**									
I	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia**									
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)									
II	**Chi chương trình mục tiêu**									
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu)									

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ)
THEO LĨNH VỰC TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM HIỆN HÀNH
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm hiện hành	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên				Chi các CTMTQG			Ước thực hiện năm hiện hành	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên				Chi các CTMTQG			So sánh		
			Tổng số	Gồm		Chia theo lĩnh vực			Tổng số	SN Giáo dục đào tạo dạy nghề	SN Khoa học và công nghệ	....	Tổng số	Vốn đầu tư	Kinh phí sự nghiệp		Tổng số	Gồm		Chia theo lĩnh vực			Tổng số	SN Giáo dục đào tạo dạy nghề	SN Khoa học và công nghệ	....	Tổng số	Vốn đầu tư	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	...
				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Giáo dục đào tạo dạy nghề	Khoa học và công nghệ	....										Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Giáo dục đào tạo dạy nghề	Khoa học và công nghệ	....										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	5	18	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	TỔNG SỐ																															
1	Cơ quan A																															
2	Tổ chức B																															
3	.....																															
4																																
5																																
6																																
7																																
8																																
9																																
10																																
11																																

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM HIỆN HÀNH
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi cân đối ngân sách huyện (xã)										Ước thực hiện chi cân đối ngân sách huyện (xã)										Ước thực hiện so với dự toán									
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên	Trong đó		Tổng số	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên	Trong đó		Tổng số	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó		Vốn đầu tư XDCB trong nước	Đầu tư từ tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu XSKT		SN Giáo dục đào tạo dạy nghề	SN Khoa học và công nghệ		Tổng số	Trong đó		Vốn đầu tư XDCB trong nước	Đầu tư từ tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu XSKT		SN Giáo dục đào tạo dạy nghề	SN Khoa học và công nghệ		Tổng số	Trong đó		Vốn đầu tư XDCB trong nước	Đầu tư từ tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu XSKT		SN Giáo dục đào tạo dạy nghề	SN Khoa học và công nghệ
				Giáo dục đào tạo dạy nghề	Khoa học và công nghệ									Giáo dục đào tạo dạy nghề	Khoa học và công nghệ									Giáo dục đào tạo dạy nghề	Khoa học và công nghệ						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	TỔNG SỐ																														
1	Huyện A																														
2	Quận B																														
3	Thành phố C																														
4	Thị xã D																														
5	.....																														
6	Xã A																														
7	Phường B																														
8	Thị trấn C																														
9	.....																														
10																															
11																															
12																															
13																															
14																															
15																															
16																															
17																															
18																															
19																															

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách cấp tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Ước thực hiện năm hiện hành	Dự toán năm kế hoạch	So sánh	
					DT/DT	DT/UTH
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN)**					
I	**Thu ngân sách**					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
-	*Thu thuế, phí và các khoản thu khác*					
-	*Thu viện trợ*					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	*Bổ sung cân đối ngân sách*					
-	*Bổ sung theo mục tiêu*					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn					
II	**Chi ngân sách**					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh (huyện), không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	*Bổ sung cân đối ngân sách*					
-	*Bổ sung theo mục tiêu*					
3	Chi chuyển nguồn					
III	**Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương**					
1	Bội thu ngân sách địa phương					
2	Bội chi ngân sách địa phương					
B	**NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ)**					
I	**Thu ngân sách**					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
-	*Thu thuế, phí và các khoản thu khác*					
-	*Thu viện trợ*					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	*Bổ sung cân đối ngân sách*					
-	*Bổ sung theo mục tiêu*					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn					
II	**Chi ngân sách**					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện (xã), không kể bổ sung cho ngân sách xã					
2	Chi bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã					
-	*Bổ sung cân đối ngân sách*					
-	*Bổ sung theo mục tiêu*					
3	Chi chuyển nguồn					

Ghi chú: Ngân sách huyện không có bội chi NSĐP.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
THEO LĨNH VỰC TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM KẾ HOẠCH
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I- Thu nội địa	Bao gồm (1)			II- Thu từ dầu thô	III- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Bao gồm				
				1. Thu từ DNNN do TƯ quản lý	2. Thu từ DNNN do ĐP quản lý	.....	(2)	(2)	1. Thuế xuất khẩu	2. Thuế nhập khẩu	3. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng nhập khẩu	4. Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng nhập khẩu	5. Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng nhập khẩu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ												
1	Huyện A												
2	Quận B												
3	Thành phố C												
4	Thị xã D												
5	.....												
6	Xã A												
7	Phường B												
8	Thị trấn C												
9	.....												
10													
11													
12													
13													
14													
15													
16													
17													
18													
19													
20													
21													
22													
23													
24													
25													
26													
27													
28													
29													

Ghi chú: (1) Chi tiết từng khu vực thu, khoản thu

(2) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, xã không có thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất , nhập khẩu .

Các chỉ tiêu cột 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 chỉ ghi dòng Tổng số

DỰ TOÁN CHI NSĐP, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) THEO CƠ CẤU NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ			
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			
I	**Chi đầu tư phát triển**			
	Chia theo lĩnh vực: - Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
	-			
1	Chi đầu tư XDCB			
a	*Vốn ngoài nước*			
b	*Vốn trong nước, trong đó:*			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm,			
II	**Chi thường xuyên**			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Quốc phòng			
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội			
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình			
8	Sự nghiệp thể dục thể thao			
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường			
10	Các hoạt động kinh tế			
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính, tổ chức chính trị,...			
12	Chi đảm bảo xã hội			
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật			
III	**Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương**			
IV	**Chi trả nợ lãi vay**			
V	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
VI	**Dự phòng ngân sách**			
VII	**Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương**			
B	**CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**			
I	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	**Chi chương trình mục tiêu**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu)			

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm hiệa hành	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên				Chi các CTMTQG			Dự toán năm kế hoạch	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên				Chi các CTMTQG			So sánh		
			Tổng số	Gồm		Chia theo lĩnh vực			Tổng số	SN Giáo dục đào tạo dạy nghề	SN Khoa học và công nghệ	....	Tổng số	Vốn đầu tư	Kinh phí sự nghiệp		Tổng số	Gồm		Chia theo lĩnh vực			Tổng số	SN Giáo dục đào tạo dạy nghề	SN Khoa học và công nghệ	....	Tổng số	Vốn đầu tư	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	..
				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Giáo dục đào tạo dạy nghề	Khoa học và công nghệ	....										Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Giáo dục đào tạo dạy nghề	Khoa học và công nghệ	....										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	TỔNG SỐ																															
1	Cơ quan A																															
2	Tổ chức B																															
3	.....																															
4																																
5																																
6																																
7																																
8																																
9																																
10																																
11																																

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

DỰ TOÁN THU, CHI, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM KẾ HOẠCH
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp	Chia ra				Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Tổng chi cân đối NSĐP
				Thu NSĐP hưởng 100%	Thu phân chia				
					Tổng số	Tỷ lệ điều tiết phần NSĐP được hưởng	Phần NSĐP được hưởng		
A	B	1	2=3+6	3	4	5	6	7	8=2+7
	TỔNG SỐ								
1	Huyện A								
2	Quận B								
3	Thành phố C								
4	Thị xã D								
5	.....								
6	Xã A								
7	Phường B								
8	Thị trấn C								
9	.....								
10									
11									
12									
13									
14									
15									
16									
17									
18									
19									
20									
21									
22									
23									
24									
25									
26									
27									
28									
29									
30									

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
(Dùng cho ngân sách tỉnh - thời kỳ ổn định ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Chi tiết theo sắc thuế			
		Thuế giá trị gia tăng (%)	Thuế thu nhập doanh nghiệp (%)	.....	.....
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ				
1	Huyện A				
2	Quận B				
3	Thành phố C				
4	Thị xã D				
5	.....				
6	Xã A				
7	Phường B				
8	Thị trấn C				
9	.....				
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					
22					
23					
24					
25					
26					
27					
28					
29					

Phụ lục số 25

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PH ƯƠNG TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên			Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương	Chi trả nợ lãi vay	Chi hỗ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	Chi chương trình mục tiêu quốc gia
					Tổng số	Chia theo lĩnh vực		Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số	SN Giáo dục đào tạo dạy nghề	SN Khoa học và công nghệ						
						Giáo dục đào tạo dạy nghề	Khoa học và công nghệ												
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ																		
1	Huyện A																		
2	Quận B																		
3	Thành phố C																		
4	Thị xã D																		
5	.....																		
6	Xã A																		
7	Phường B																		
8	Thị trấn C																		
9	.....																		
10																			
11																			
12																			
13																			

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu	Bổ sung thực hiện các chế độ chính sách và một số nhiệm vụ theo quy định
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ				
1	Huyện A				
2	Quận B				
3	Thành phố C				
4	Thị xã D				
5	.....				
6	Xã A				
7	Phường B				
8	Thị trấn C				
9	.....				
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					
22					
23					
24					
25					
26					
27					

Phụ lục số 27

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

STT	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Chia ra										Dự toán năm kế hoạch	Chia ra									So sánh
			Ngân sách cấp tỉnh(huyện)					Ngân sách cấp huyện (xã)						Ngân sách cấp tỉnh(huyện)					Ngân sách cấp huyện (xã)				
			Tổng số	Chia ra		Chia ra		Tổng số	Chia ra		Chia ra			Tổng số	Chia ra		Chia ra		Tổng số	Chia ra		Chia ra	
				Vốn đầu tư	Kinh phí SN	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn đầu tư	Kinh phí SN	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước			Vốn đầu tư	Kinh phí SN	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn đầu tư	Kinh phí SN	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
A	0	1	2=3+4	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13=24+15	14	15	16	17	28=19+20	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ																						
1	Chương trình xây dựng nông thôn mới																						
2	Chương trình giảm nghèo bền vững																						

Phụ lục số 2

DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN (XÃ) ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Trong đó		
					Chương trình A	Chương trình B	.....
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ						
1	Huyện A						
2	Quận B						
3	Thành phố C						
4	Thị xã D						
5	.....						
6	Xã A						
7	Phường B						
8	Thị trấn C						
9	.....						
10							
11							

Phụ lục số 29

DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN (XÃ) ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH THEO QUY ĐỊNH NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Trong đó		
					Chính sách A	Chính sách B	.....
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ						
1	Huyện A						
2	Quận B						
3	Thành phố C						
4	Thị xã D						
5	.....						
6	Xã A						
7	Phường B						
8	Thị trấn C						
9	.....						
10							

Phụ lục số :

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH NĂM KẾ HOẠCH

(Dàng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồn

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Tổng dự taán được duyệt				Giá trị khối lượng lũy kế từ khởi côag				Đã thaoh taán lũy kế từ khởi công				Dự toán				
						Tổng số	Chia theo nguồn vấn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồa vốn			Tổng số	Tr.đá: Thanh toán KL các năm trước	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	NSTW	...		Ngoài nước	NSTW	...		Ngoài nước	NSTW	...			Ngoài nước	NSTW	...
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ																					
A	Ngành, lĩnh vực																					
I	Dự án nhám A																					
!	Dự án A																					
2	Đự án B																					
3	.....																					
II	Đự án nhóm																					
	.....																					
B	Ngành, lĩnh vực																					
I	Đự án nhóm A																					
1	Dự án A																					
2	Dự án B																					
3	.....																					
II	Đự án nhóm																					
	.....																					

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh
A	B	1	2	3
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			
1	Thu nội địa			
	Trong đó:			
-	*Thu tiền sử dụng đất*			
-	*Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết*			
2	Thu viện trợ không hoàn lại			
3	Thu kết dư			
4	Thu chuyển nguồn			
5	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	*Bổ sung cân đối ngân sách*			
-	*Bổ sung theo mục tiêu*			
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**			
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên			
3	Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương			
4	Chi trả nợ lãi vay			
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
6	Dự phòng ngân sách			
7	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
-	*Bổ sung cân đối ngân sách*			
-	*Bổ sung theo mục tiêu*			
8	Chi chuyển nguồn			
II	**Chi chương trình mục tiêu**			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chương trình mục tiêu			
C	**Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương**			
1	Bội thu ngân sách địa phương			
2	Bội chi ngân sách địa phương			
D	**Tổng mức vay của ngân sách địa phương**			
1	Vay trong nước			
2	Vay ngoài nước			

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính và bội chi NSĐP; chi ngân sách xã không có chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh quyết toán với dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	**Thu nội địa**						
1	Thu từ DNNN do Trung ương quản lý						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ DNNN do Địa phương quản lý						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, hộ gia đình						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Lệ phí trước bạ						
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
8	Thuế thu nhập cá nhân						
9	Thuế bảo vệ môi trường						
10	Thu phí, lệ phí						
-	*Phí và lệ phí trung ương*						
-	*Phí và lệ phí tỉnh, huyện*						
-	*Phí và lệ phí xã, phường*						
11	Thu tiền sử dụng đất						
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
15	Thu cổ tức						
16	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						
17	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
18	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
19	Thu khác ngân sách						
20	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã						
II	**Thu từ dầu thô**						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
IV	**Thu viện trợ không hoàn lại**						

Ghi chú:

- Doanh nghiệp nhà nước da Trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn.

- Doanh nghiệp nhà nước da Địa phương quản lý là doanh nghiệp da Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn.

- Doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, hộ gia đình là các đơn vị, cá nhân, tổ chức kinh tế mà Nhà nước sở hữu dưới 100% vốn.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu .

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) THEO CƠ CẤU

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		QT so với DT (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ									
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**									
I	**Chi đầu tư phát triển**									
	Chia theo lĩnh vực: - Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học và công nghệ									
1	Chi đầu tư XDCB									
a	*Vốn ngoài nước*									
b	*Vốn trong nước, trong đó:*									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết									
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật									
II	**Chi thường xuyên**									
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ									
3	Quốc phòng									
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội									
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình									
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin									
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình									
8	Sự nghiệp thể dục thể thao									
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường									
10	Các hoạt động kinh tế									
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính, tổ chức chính trị,...									
12	Chi đảm bảo xã hội									
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật									
III	**Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương**									
IV	**Chi trả nợ lãi vay**									
V	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**									
VI	**Dự phòng ngân sách**									
VII	**Chi chuyển nguồn**									
B	**CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**									
I	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia**									
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)									
II	**Chi chương trình mục tiêu**									
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu)									

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh quyết toán với dự toán
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ			
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			
I	**Chi đầu tư phát triển**			
	Chio theo lĩnh vực: - Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
1	Chi đầu tư XDCB			
a	*Vốn ngoài nước*			
b	*Vốn trang nước, trong đá:*			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi dầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước dặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
II	**Chi thường xuyên**			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Quốc phòng			
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội			
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình			
8	Sự nghiệp thể dục thể thao			
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường			
10	Các hoạt động kinh tế			
11	Hoạt dộng của các cơ quan quản lý hành chính, tổ chức chính trị,...			
12	Chi đảm bảo xã hội			
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật			
III	**Chi thực hiện điều chỉnh tiền lương**			
IV	**Chi trả nợ lãi vay**			
V	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
VI	**Dự phòng ngân sách**			
VII	**Chi chuyển nguồn**			
B	**CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**			
I	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	**Chi chương trình mục tiêu**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu)			

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã khâng có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoo học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tòi chính.

Phụ lục số 35

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Dùng cha ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi đầu tư phát triển								Chi thường xuyên			Chi các CTMT Quốc gia			So sánh Quyết toán với dự toán
				Tổng số	Chia theo lĩnh vực			Chi đầu tư XDCB			.....	Sự nghiệp Giáo dục đào tạo dạy nghề	Sự nghiệp khoa học công nghệ	....	Tổng số	Vốn đầu tư	Kinh phí sự nghiệp	
					Giáo dục đào tạo dạy nghề	khoa học công	.....	Tổng số	Vốn trang nước	Vốn ngoài nước								
A	B	1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=2/1
	TỔNG SỐ																	
1	Cơ quan A																	
2	Tổ chức B																	
3	.....																	
4																		
5																		
6																		
7																		
8																		
9																		
10																		
11																		
12																		
13																		
14																		
15																		
16																		
17																		
18																		
19																		

Ghi chú: Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Phụ lục số 3

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) CHO NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ)

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Trong đó					Quyết toán	Trong đó					So sánh Quyết toán với dự toán					
			Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu					Bổ sung cân đối	Bổ sung cá mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung cá mục tiêu			
				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	gồm				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	gồm				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	gồm	
						Vốn đầu tư	Kinh phí thực hiện chính sách					Vốn đầu tư	Kinh phí thực hiện chính sách					Vốn đầu tư	Kinh phí thực hiện chính sách
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=7/1	14=8/2	15=9/3	16=10/4	17=11/5	18=12/
	TỔNG SỐ																		
1	Huyện A																		
2	Quận B																		
3	Thành phố C																		
4	Thị xã D																		
5	.....																		
6	Xã A																		
7	Phường B																		
8	Thị trấn C																		
9	.....																		
10																			
11																			

Phụ lục số 3

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Chia ra					Quyết toán	Chia ra					So sánh quyết toán với dự toán (%)
			Tổng số	Chia ra		Chia ra			Tổng số	Chia ra		Chia ra		
				Vốn đầu tư	Kinh phí SN	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước			Vốn đầu tư	Kinh phí SN	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12	13=7/1
	TỔNG SỐ													
1	Chương trình giảm nghèo bền vững													
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới													

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH

(Dùng cha ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Tổng dự toán được duyệt				Dự toán					Quyết toán					So sánh quyết toán với dự toán				
						Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Tr.đó: Thanh toán KL các năm trước	Chia thea nguồn vốn			Tổng số	Tr.đá: Thanh toán KL các năm trước	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Tr.đá: Thanh toán KL các năm trước	Chia theo nguồn vốn		
							Ngaài nước	NSTW	…			Ngaài nước	NSTW	…			Ngoài nước	NSTW	…			Ngaài nước	NSTW	…
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ																							
A	Ngành, lĩnh vực																							
I	Dự án nhóm A																							
1	Dự án A																							
2	Dự án B																							
3	.....																							
II	Dự ón nhám																							
	.....																							
B	Ngành, lĩnh vực																							
I	Dự án nhóm A																							
1	Dự án A																							
2	Dự án B																							
3	.....																							
II	Dự án nhám																							
	.....																							